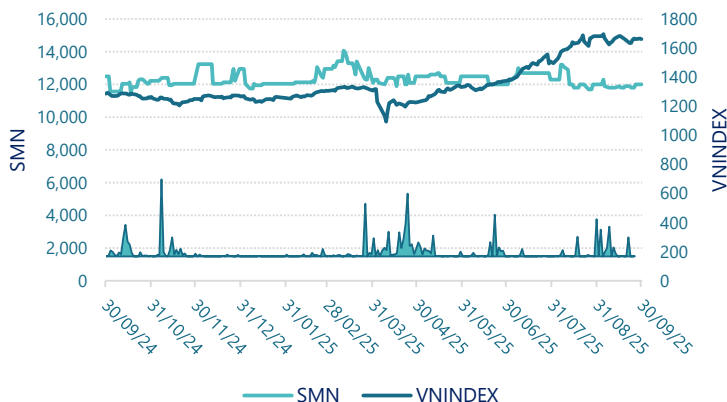




CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (HNX: SMN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,478
SL cổ phiếu LH	4,405,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,785
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
P/E	8.3
EPS	1,442

DT thuần

Q3/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▼47.0| -27.9%

YoY: ▼76.0| -38.5%

LN sau thuế

Q3/25

2.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.53| -17.0%

YoY: ▼2.86| -52.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.7%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

9T 2025

306

tỷ VNĐ

YoY: ▼121| -28.3%

LN sau thuế

9T 2025

5.75

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.97| -34.0%

ROE

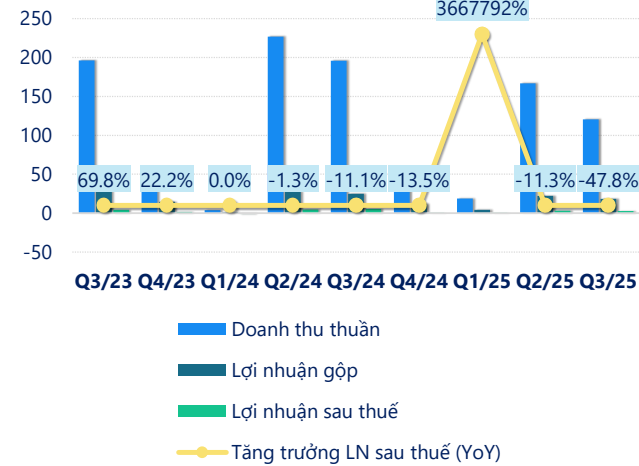
Q3/25

7.9%

+/- YoY: ▼ 4.8%

tỷ VNĐ

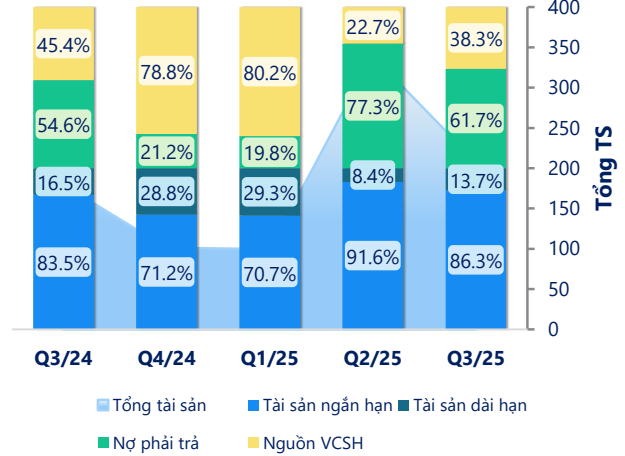
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

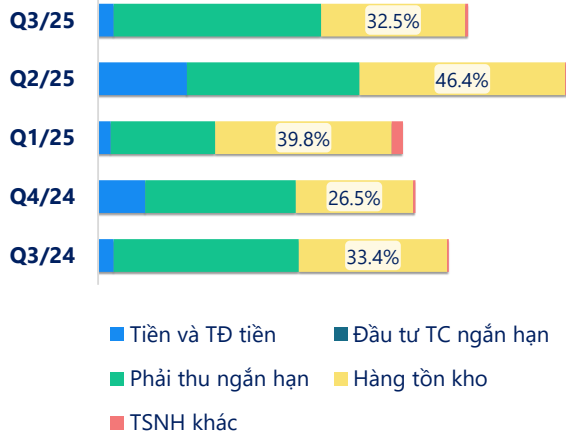
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



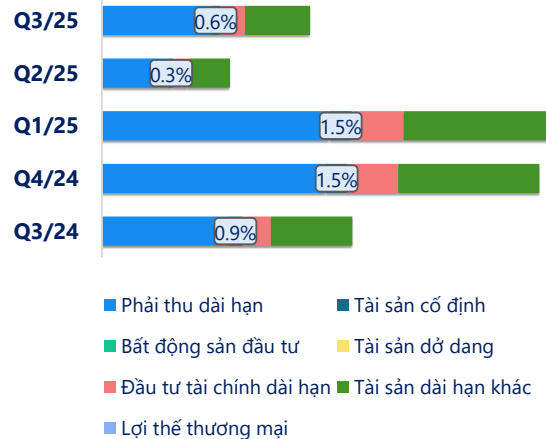
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

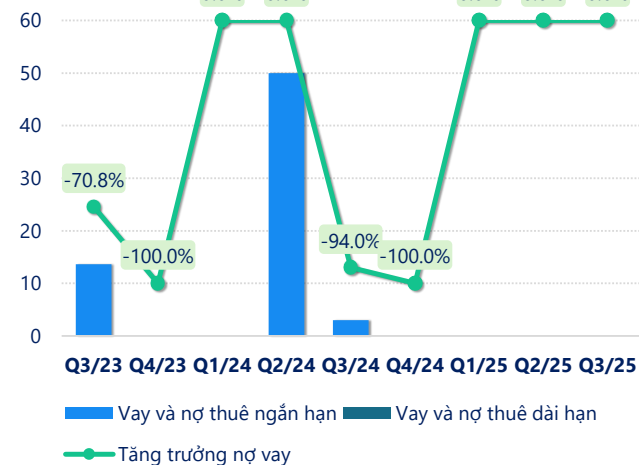
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

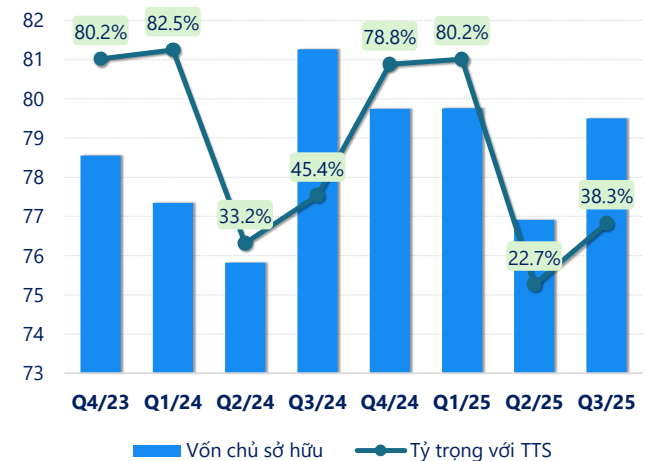
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

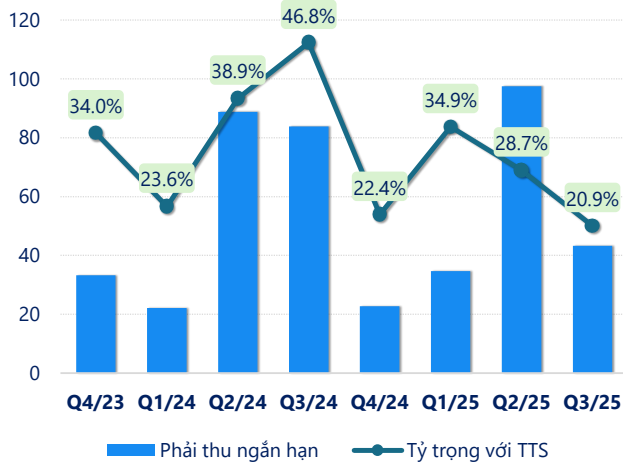
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



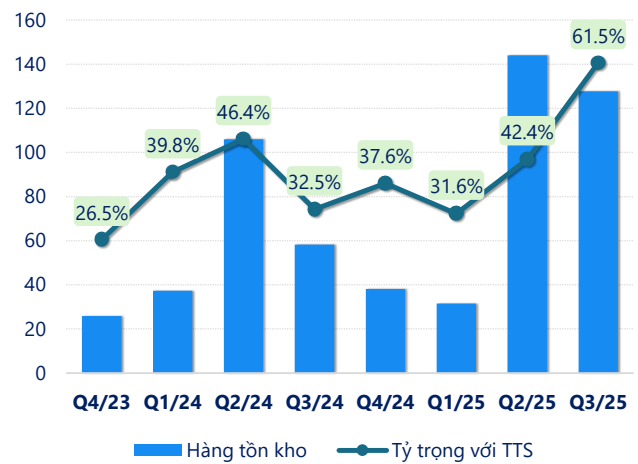
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


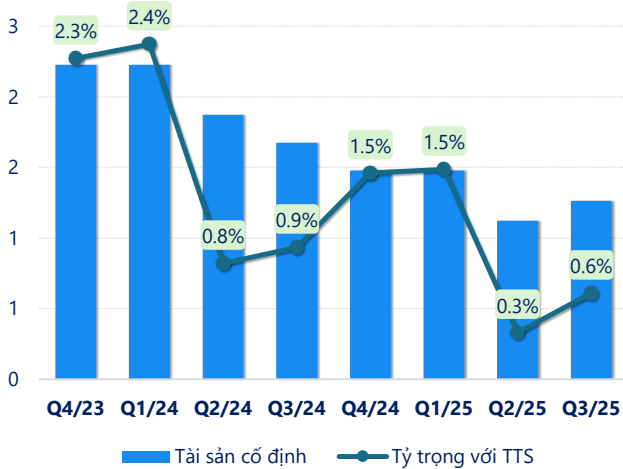
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


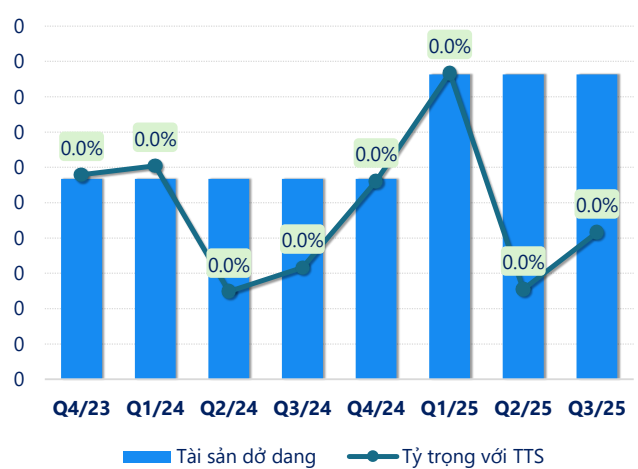
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

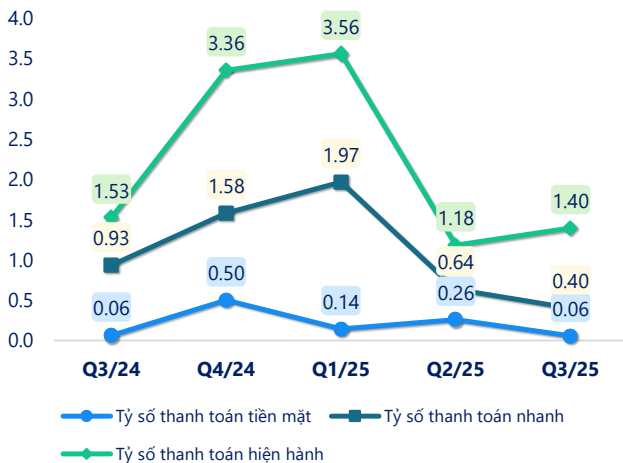
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

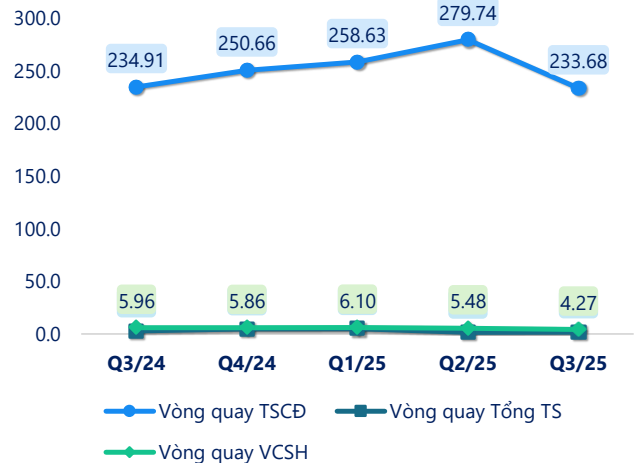
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	179	101	99.5	339	208
Tài sản ngắn hạn	150	72.1	70.4	311	179
Tiền và tương đương tiền	6.29	10.8	2.83	68.2	7.36
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	83.8	22.7	34.7	97.5	43.3
Hàng tồn kho	58.2	38.1	31.5	144	128
Tài sản ngắn hạn khác	1.29	0.52	1.35	1.12	0.76
Tài sản dài hạn	29.5	29.1	29.1	28.6	28.4
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	14.9	14.9	14.9
Tài sản cố định	1.67	1.48	1.48	1.12	1.26
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.03	0.03	0.04	0.04	0.04
Đầu tư tài chính dài hạn	3.33	3.33	3.33	3.33	3.33
Tài sản dài hạn khác	9.62	9.40	9.40	9.25	8.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	97.9	21.5	19.7	263	128
Nợ ngắn hạn	97.9	21.5	19.7	263	128
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.00	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	74.6	13.4	14.0	252	113
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	81.3	79.7	79.8	76.9	79.5
Vốn chủ sở hữu	81.3	79.7	79.8	76.9	79.5
Vốn điều lệ	44.1	44.1	44.1	44.1	44.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)